



# THỰC TRẠNG BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ TẠI THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

**Đinh Thị Hồng Vân\*<sup>1</sup>, Đoàn Thị Thu Hoài<sup>2</sup>**

<sup>1</sup> Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 32 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

<sup>2</sup> Trường THCS Nguyễn Anh Ninh, 01 Nguyễn Văn Cừ, Vũng Tàu, Việt Nam

**Tóm tắt:** Bài báo này đánh giá thực trạng bồi dưỡng giáo viên (GV) trung học cơ sở (THCS) tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. 206 cán bộ quản lý (CBQL) và GV ở 6 trường THCS đã tham gia khảo sát. Kết quả cho thấy phần lớn CBQL và GV đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác bồi dưỡng GV THCS; công tác này đã được chú trọng với nhiều nội dung với các hình thức khác nhau. Tuy nhiên, vẫn còn không ít CBQL, GV chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của hoạt động bồi dưỡng GV THCS. Một số nội dung và hình thức quan trọng chưa được chú trọng nhiều trong chương trình bồi dưỡng. Dựa trên kết quả điều tra, các tác giả đã đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động bồi dưỡng GV THCS.

**Từ khóa:** bồi dưỡng, giáo viên trung học cơ sở, Vũng Tàu

## 1. Đặt vấn đề

Đất nước Việt Nam đang trong quá trình đổi mới và phát triển. Nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã thông qua Nghị quyết (Nghị quyết số 29-NQ/TW) ngày 4 tháng 11 năm 2013 với nội dung Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết đã xác định mục tiêu tổng quát là: *“Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của nhân dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả.”* [2].

Để thực hiện mục tiêu đó, Đảng ta xác định lấy việc phát triển đội ngũ giáo viên (GV) làm nòng cốt cơ bản cho sự đổi mới. Điều này thể hiện trong giải pháp thứ sáu của Nghị quyết số 29: *“Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Tiến tới tất cả các GV tiểu học, trung*

---

\*Liên hệ: dthvan2000@yahoo.com

*học cơ sở, GV, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm. Giảng viên cao đẳng, đại học có trình độ từ thạc sĩ trở lên và phải được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp phải qua đào tạo về nghiệp vụ quản lý.” [2]*

Để triển khai Nghị quyết 29, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016–2020, định hướng đến năm 2025” với mục tiêu chung là “Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục bảo đảm chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” [10].

Trước yêu cầu đổi mới, đội ngũ nhà giáo ở các cơ sở giáo dục đang từng bước nâng cao trình độ; tuy nhiên, số lượng và chất lượng đội ngũ nhà giáo vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Theo tài liệu “Tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo GV phổ thông về phát triển chương trình đào tạo” năm 2015 [3], cuộc khảo sát gần 200 GV phổ thông ở 12 môn cho thấy 31,8% cho rằng GV “đang có nhiều bất cập chuyên môn”; 13,6% đồng ý và 51,9% phân vân về nhận định “năng lực dạy học của GV còn yếu”. Trong thời gian tới, nếu chương trình giáo dục phổ thông mới được triển khai với những yêu cầu, đòi hỏi mới ở người GV như dạy học tích hợp, dạy học phân hoá, dạy học trải nghiệm... thì năng lực của đội ngũ GV hiện nay đang đứng trước những thách thức mới [1].

Do tầm quan trọng cũng như thực trạng đội ngũ GV hiện nay và thực tiễn đổi mới giáo dục của đất nước, việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ GV nói chung và giáo viên trung học cơ sở (THCS) nói riêng là hết sức cần thiết.

Trong những năm qua, công tác bồi dưỡng GV ở các trường THCS trên địa bàn thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có nhiều hình thức, nội dung khá thiết thực và bước đầu đã thu được một số kết quả đáng khả quan. Tuy nhiên, công tác này còn không ít yếu kém, bất cập; số lượng GV có đủ nhưng chưa đồng bộ; chất lượng chuyên môn của đội ngũ nhà giáo có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và phát triển kinh tế – xã hội của địa phương. Để có cơ sở đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng công tác bồi dưỡng GV, cần thiết có những nghiên cứu thực tiễn về công tác này.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành khảo sát trên 206 cán bộ quản lý (CBQL) và GV tại 6 trường THCS: THCS Duy Tân, THCS Nguyễn An Ninh, THCS Võ Văn Kiệt, THCS Thắng Nhì, THCS Ngô Sĩ Liên, và THCS Vũng Tàu.

Phương pháp chủ đạo được tác giả sử dụng là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Các câu hỏi trong bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert, cụ thể như sau: mức độ đồng ý: 1. Hoàn

toàn không đồng ý, 2. Phần lớn không đồng ý, 3. Phân vân, 4. Phần lớn đồng ý, 5. Hoàn toàn đồng ý; mức độ cần thiết: 1. Không cần thiết, 2. Ít cần thiết, 3. Khá cần thiết, 4. Rất cần thiết; mức độ thực hiện: 1. Không bao giờ, 2. Thỉnh thoảng, 3. Khá thường xuyên, 4. Rất thường xuyên. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 20.0 với đại lượng thống kê mô tả điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC).

Bên cạnh đó, phương pháp phỏng vấn cũng được sử dụng để nhằm thu thập thêm các thông tin bổ sung cho phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

### 3. Thực trạng bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở tại thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

#### 3.1. Nhận thức về vai trò của hoạt động bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở

Kết quả khảo sát nhận thức của CBQL và GV về vai trò của hoạt động bồi dưỡng GV THCS được trình bày ở Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3.

**Bảng 1.** Đánh giá của CBQL và GV về mức độ cần thiết của hoạt động bồi dưỡng GV THCS

STT	Mức độ cần thiết	Số người	Tỉ lệ (%)
1	Hoàn toàn không cần thiết	4	1,9
2	Không cần thiết	6	2,9
3	Bình thường	26	12,6
4	Cần thiết	99	48,1
5	Rất cần thiết	71	34,5

Dữ liệu ở Bảng 1 cho thấy phần lớn CBQL và GV đánh giá đúng đắn vai trò của hoạt động bồi dưỡng GV. 82,6% CBQL và GV cho rằng hoạt động bồi dưỡng GV THCS “cần thiết” và “rất cần thiết”. Tuy nhiên, vẫn còn không ít CBQL và GV (gần 20%) cho rằng công tác này “bình thường”, thậm chí “không cần thiết” và “hoàn toàn không cần thiết”.

Các CBQL và GV đã nhận thức khá rõ ràng về ý nghĩa của hoạt động bồi dưỡng GV THCS (Bảng 2). Các ý nghĩa được đánh giá cao là: “Nâng cao thái độ đúng đắn đối với nghề nghiệp”, “Củng cố, mở rộng nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho GV”, “Giúp GV đáp ứng chuẩn nghề nghiệp GV THCS”. Trong thực tế, các nội dung bồi dưỡng thường dựa trên chuẩn nghề nghiệp của GV. Dựa trên nhu cầu bồi dưỡng của GV và điều kiện thực tế của đơn vị, các phòng giáo dục và đào tạo và nhà trường đã lên kế hoạch bồi dưỡng để đáp ứng chuẩn nghề nghiệp cũng như nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho GV.

**Bảng 2.** Nhận thức của CBQL và GV về ý nghĩa của hoạt động bồi dưỡng GV THCS

STT	Mục đích	ĐTB	ĐLC
-----	----------	-----	-----

1	Củng cố, mở rộng nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho GV	4,22	0,81
2	Giúp GV đáp ứng chuẩn nghề nghiệp GV THCS	4,18	0,85
3	Nâng cao trình độ trên chuẩn cho GV THCS	4,08	0,93
4	Nâng cao ý thức, khả năng tự học, tự bồi dưỡng của đội ngũ GV	4,10	0,97
5	Nâng cao thái độ đúng đắn đối với nghề nghiệp	4,24	0,88

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$ )

Sự nhận thức về vai trò của hoạt động bồi dưỡng GV THCS còn được thể hiện ở việc đánh giá sự cần thiết các nội dung bồi dưỡng (Bảng 3). Từ tháng 10/2018, chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở giáo dục phổ thông mới có hiệu lực thực hiện [6]. Theo đó, chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông có 5 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí. Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ quản lý và GV đều đánh giá cao mức độ cần thiết các nội dung bồi dưỡng theo chuẩn nghề nghiệp mới. Hầu hết các nội dung đều được đánh giá ở giữa mức “khá cần thiết” và “rất cần thiết”. Trong đó, nội dung được đánh giá ở mức cần thiết cao nhất là: “Đạo đức nhà giáo”. Trong thời gian gần đây, một số vụ việc liên quan đến hành vi bạo hành thể chất và tinh thần học sinh của GV đã khiến dư luận xã hội bức xúc. Trước thực trạng đó, chỉ thị 1737/CT-BGDĐT về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành năm 2018 [5]. Đây có thể là một lý do cơ bản để các cán bộ quản lý và GV cho rằng đây là nội dung cần thiết bồi dưỡng cho GV.

Ngoài ra, dữ liệu cũng cho thấy các nội dung liên quan đến định hướng đổi mới giáo dục hiện nay được đánh giá cần thiết hơn các nội dung khác như: “*Phát triển chuyên môn bản thân*”, “*Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*”, “*Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*”, “*Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh*”. Với định hướng đổi mới giáo dục tập trung vào phát triển năng lực cho người học, hoạt động dạy học trong nhà trường có sự thay đổi lớn về nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học [7]. Để có thể triển khai những định hướng đổi mới này, các cơ quan, ban ngành giáo dục và các nhà trường cần lên kế hoạch bồi dưỡng một cách bài bản và khoa học. Nhiều GV chia sẻ rằng họ rất lo lắng trong việc triển khai chương trình mới. Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực như dạy học dự án, dạy học hợp tác, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học phân hoá... rất khó tổ chức trong bối cảnh trường học Việt Nam với sĩ số lớp đông, cơ sở vật chất hạn chế như hiện nay.

**Bảng 3.** Nhận thức của CBQL và GV về mức độ cần thiết của các nội dung bồi dưỡng GV THCS theo chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung bồi dưỡng	ĐTB	ĐLC
-----	--------------------	-----	-----

1	Đạo đức nhà giáo	3,73	0,55
2	Phong cách nhà giáo	3,52	0,65
3	Phát triển chuyên môn bản thân	3,60	0,64
4	Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	3,49	0,62
5	Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	3,48	0,64
6	Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	3,53	0,70
7	Tư vấn và hỗ trợ học sinh	3,31	0,77
8	Xây dựng văn hóa nhà trường	3,37	0,72
9	Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường	3,47	0,66
10	Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường	3,52	0,67
11	Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan	3,38	0,69
12	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh	3,54	0,63
13	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục, lối sống cho học sinh	3,49	0,68
14	Ngoại ngữ	2,97	0,85
15	Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục	3,48	0,71

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$

Một điểm đáng lưu ý là có những nội dung rất mới mẻ như “*Tư vấn và hỗ trợ học sinh*” nhưng lại có mức độ đánh giá thấp hơn các nội dung khác. Ở Việt Nam, các cuộc khảo sát và nghiên cứu cho thấy số lượng trẻ rối loạn về sức khỏe tâm thần chiếm tỉ lệ khá cao và đang ngày càng gia tăng, chiếm khoảng 20% trẻ em (Trần Tuấn và cs. theo [8]). Trước thực trạng đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ra thông tư 31 về hướng dẫn công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông [4]. Tuy nhiên, để triển khai, các nhà trường cần dành nhiều thời gian để bồi dưỡng cho GV về nội dung này. Để hỗ trợ tâm lý cho học sinh, GV phải có các kiến thức chuyên sâu về tâm lý của học sinh, các kỹ năng, phẩm chất của người hỗ trợ, các kiến thức về tham vấn, trị liệu tâm lý. Những nội dung này cần được tập huấn bài bản, nghiêm túc và lâu dài để GV có thể lĩnh hội được các kiến thức và hình thành các kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu.

Mặc dù trong thời đại ngày nay, ngoại ngữ được xem là một công cụ đắc lực và hữu hiệu của GV trong việc tiếp cận với các nguồn tri thức của thế giới, nhưng đây là nội dung được GV đánh giá ở mức độ cần thiết thấp nhất. Một số GV chia sẻ rằng đầu biết ngoại ngữ là cần thiết,

nhưng trong bối cảnh đổi mới giáo dục như hiện nay thì việc bồi dưỡng các nội dung liên quan đến hoạt động dạy học và giáo dục cần thiết hơn, giúp họ có thể thực hiện công việc tốt hơn.

Từ sự phân tích trên có thể thấy rằng phần lớn các đối tượng khảo sát đã đánh giá cao hoạt động bồi dưỡng GV và nhận thức khá đầy đủ về mục đích cũng như nội dung bồi dưỡng. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn không ít cán bộ quản lý, GV đánh giá khá thấp vai trò của hoạt động này và một số nội dung bồi dưỡng. Chính vì vậy, việc nâng cao nhận thức cho nhóm khách thể này là hết sức cần thiết.

## 2.2. Mức độ thực hiện các nội dung bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở theo chuẩn nghề nghiệp

Dữ liệu ở Bảng 4 cho thấy các nội dung bồi dưỡng được đánh giá ở giữa mức thực hiện “khá thường xuyên” và “rất thường xuyên”, trong đó nghiêng về mức “khá thường xuyên” nhiều hơn. Điều này chứng tỏ Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Vũng Tàu và các nhà trường đã quan tâm triển khai công tác bồi dưỡng giáo viên THCS. Thực tế, trong những năm vừa qua, so với cả nước thì Vũng Tàu là một trong những thành phố đi đầu cả nước trong việc bồi dưỡng. Theo thống kê từ năm 2018 đến nay, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Vũng Tàu đã triển khai một số khoá bồi dưỡng như chuyên đề bồi dưỡng chính trị Nghị quyết XII; quản lý hành chính trong trường học; bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý THCS, bồi dưỡng hoạt động tổ chuyên môn THCS; tập huấn **chuyên môn** cho cán bộ quản lý và GV các trường THCS; phổ biến Nghị định 56/ 2015/NĐCP về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quản lý THCS; bồi dưỡng tập huấn triển khai chương trình phổ thông tổng thể; đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá; bồi dưỡng kỹ năng quản lý lãnh đạo; phương pháp dạy kỹ năng sống; kỹ năng quản lý cảm xúc; cách truyền động lực và cảm hứng cho HS.

**Bảng 4.** Đánh giá của CBQL và GV về mức độ thực hiện các nội dung bồi dưỡng GV THCS theo chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung bồi dưỡng	ĐTB	ĐLC
1	Đạo đức nhà giáo	3,46	0,72
2	Phong cách nhà giáo	3,34	0,67
3	Phát triển chuyên môn bản thân	3,39	0,67
4	Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	3,33	0,66
5	Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	3,29	0,67
6	Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.	3,36	0,68

7	Tư vấn và hỗ trợ học sinh	3,11	0,76
8	Xây dựng văn hóa nhà trường	3,26	0,74
9	Thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường	3,24	0,67
10	Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường	3,37	0,67
11	Tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh và các bên liên quan	3,17	0,69
12	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh	3,33	0,71
13	Phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện giáo dục, lối sống cho học sinh	3,33	0,71
14	Ngoại ngữ	2,81	0,92
15	Ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục	3,36	0,70

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$

Số liệu Bảng 4 cũng cho thấy nhìn trong tương quan chung, các nội dung đạo đức, phong cách nhà giáo và các hoạt động dạy học, giáo dục liên quan đến định hướng đổi mới giáo dục được tập trung bồi dưỡng nhiều hơn. Điều này khá phù hợp với thực tiễn và việc đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay của Việt Nam.

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển như hiện nay, ngoại ngữ là công cụ vô cùng quan trọng thế nhưng dữ liệu khảo sát cho thấy, thành phố vẫn còn tập trung chú trọng bồi dưỡng vào chuyên môn, bồi dưỡng đạo đức nhà giáo; mức độ bồi dưỡng ngoại ngữ còn hạn chế. Chính vì vậy, những đợt bồi dưỡng tiếp theo cần chú trọng hơn bồi dưỡng về ngoại ngữ cho GV.

### 2.3. Hình thức bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở

Kết quả khảo sát ở Bảng 5 cho thấy các hình thức bồi dưỡng giáo viên THCS khá đa dạng, nhưng mức độ thường xuyên chưa cao và có sự phân hoá giữa các nhóm hình thức. Trong tương quan chung, nhóm tự bồi dưỡng theo chương trình quy định và bồi dưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm, thực tiễn có mức độ sử dụng cao hơn, phần lớn được đánh giá là ở mức “khá thường xuyên”. Đây là hai nhóm hình thức được nhìn nhận là đem lại hiệu quả cao trong quá trình phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV. Với hình thức bồi dưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm, thực tiễn, GV sẽ có cơ hội học tập kinh nghiệm và trao đổi với nhau; ngoài ra, các nội dung bồi dưỡng thường gắn liền với thực tiễn lớp học, nhu cầu của các GV. Trong nhóm này, hình thức “Sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường” và “dự giờ” được đánh giá là tiến hành nhiều. Những hình thức này là cơ hội để tất cả GV tham gia giảng dạy có thể tham dự và học hỏi rút kinh nghiệm lẫn nhau. Từ đó, mỗi GV tự điều chỉnh hoạt động dạy

học của mình ngày càng vững vàng về kiến thức, nhuần nhuyễn về phương pháp. Đồng thời, thông qua việc dự giờ nhằm thúc đẩy hoạt động chuyên môn, GV có cơ hội trao đổi những kinh nghiệm dạy học, thúc đẩy việc dạy học theo hướng sáng tạo, đổi mới phương pháp và tháo gỡ khó khăn chuyên môn mà các tổ gặp phải.

Trong chương trình bồi dưỡng GV THCS, hàng năm có nhiều nội dung đòi hỏi GV phải tự bồi dưỡng bằng các cách khác nhau như tự tìm hiểu từ nhiều nguồn học liệu, học hỏi từ đồng nghiệp, bạn bè. Một số GV chia sẻ rằng yếu tố tác động lớn nhất đến việc học tập phát triển nghề nghiệp của họ chính là ý thức tự học. Mỗi một GV sẽ biết được những thiếu sót, hạn chế của bản thân; trên cơ sở đó, họ sẽ chọn cách để tự bồi dưỡng phù hợp nhất, trong đó các nguồn tài liệu Internet thật sự hữu ích đối với họ.

**Bảng 5.** Đánh giá của CBQL, GV về hình thức bồi dưỡng GV THCS

STT	Hình thức	ĐTB	ĐLC
<b>I</b>	<b>Bồi dưỡng qua học tập chuyên đề do cấp trên tổ chức</b>		
1	Mời chuyên gia báo cáo	2,44	0,72
2	Cán bộ cốt cán của Sở, Phòng GD&ĐT báo cáo	2,64	0,87
3	Bồi dưỡng trực tuyến qua Internet	2,88	0,89
<b>II</b>	<b>Bồi dưỡng thông qua hoạt động trải nghiệm, thực tiễn</b>		
1	Dự giờ	3,43	0,65
2	Tham quan học tập kinh nghiệm	2,73	0,79
3	Tổ chức hội thảo, tọa đàm, chuyên đề về các nội dung cần bồi dưỡng	3,02	0,76
4	Các đơn vị trường học tự tổ chức tập huấn	3,04	0,81
5	Sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn trong trường	3,53	0,65
6	Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường	3,05	0,77
<b>III</b>	<b>Bồi dưỡng thông qua việc tham gia các cuộc thi</b>		
1	Thi nghiên cứu sử dụng, sáng tạo đồ dùng dạy học	2,60	0,83
2	Thi bài giảng điện tử	2,92	0,79
3	Thi GV viên dạy giỏi	3,44	0,65
4	Thi dạy học theo chủ đề tích hợp	3,08	0,74
5	Thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật	2,85	0,80
<b>IV</b>	<b>Hoạt động tự bồi dưỡng theo chương trình quy định</b>		
1	Tự nghiên cứu tài liệu từ các nguồn khác nhau	3,12	0,68
2	Thông qua đồng nghiệp, bạn bè	3,26	0,74

Ghi chú:  $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$



Nhóm hình thức bồi dưỡng qua học tập chuyên đề do cấp trên tổ chức và thông qua việc tham gia các cuộc thi được đánh giá ít thực hiện thường xuyên hơn. Thông thường, các chuyên đề thường do cấp trên (Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo) tổ chức vào đầu năm học cho cán bộ, GV cốt cán, sau đó tổ chức tập huấn lại ở các đơn vị. Các lớp bồi dưỡng thường được tổ chức ngắn ngày, do đó chủ yếu báo cáo viên chuyên tải nội dung bồi dưỡng, chưa dành nhiều thời gian cho thảo luận và giải đáp thắc mắc. Mặt khác, hạn chế của hình thức tập huấn là kiến thức và kỹ năng mới được truyền thụ theo cách không gắn kết với ngữ cảnh thực tế lớp học cũng như vai trò thụ động trong tiếp nhận kiến thức và kỹ năng của GV [9]. Do vậy, Sở và Phòng Giáo dục và Đào tạo cần chọn lọc các nội dung cần thiết để tiến hành tập huấn theo hình thức này nhằm kịp thời bổ sung những nội dung còn thiếu và yếu của GV.

Hàng năm, các GV tham gia các cuộc thi chuyên môn nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp như: GV dạy giỏi, dạy học theo chủ đề tích hợp, nghiên cứu sử dụng, sáng tạo đồ dùng dạy học, bài giảng điện tử, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật. Các cuộc thi tạo cơ hội cho các GV thoải mái sáng tạo, sự đam mê, nhiệt huyết nghề nghiệp của mình. Tuy nhiên, nhiều GV chia sẻ có những cuộc thi còn mang tính hình thức, phô diễn, chưa thực chất.

Để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV THCS, các hình thức bồi dưỡng trải nghiệm, thực tiễn gắn với nhu cầu của GV và nhà trường cần được tăng cường hơn nữa. Bên cạnh đó, cần giảm thiểu những hình thức bồi dưỡng mang tính hình thức, ít hiệu quả.

### 3. Kết luận

Để nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, việc bồi dưỡng GV đóng vai trò quan trọng. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn CBQL và GV đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác bồi dưỡng GV THCS; công tác bồi dưỡng GV THCS ở thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được chú trọng trên nhiều nội dung với các hình thức khác nhau. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn không ít đối tượng khảo sát chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của hoạt động bồi dưỡng GV THCS. Một số nội dung và hình thức quan trọng chưa được chú trọng nhiều trong chương trình bồi dưỡng. Nhìn chung, kết quả bồi dưỡng GV THCS cần có sự cải thiện để nâng cao chất lượng.

Từ kết quả khảo sát trên, để nâng cao chất lượng bồi dưỡng GV THCS, cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Nâng cao nhận thức cho CBQL và GV về vai trò của hoạt động bồi dưỡng GV THCS;
- Nội dung bồi dưỡng cần thiết thực hơn với nhu cầu của GV và nhà trường;
- Các hình thức bồi dưỡng cần tổ chức theo hướng trải nghiệm thực tiễn;

– Nhà trường cần tạo điều kiện thuận lợi và tạo động lực thúc đẩy GV tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng;

– Cần tăng cường các hoạt động bồi dưỡng dựa vào nhà trường.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Kim Anh (2016), Thực trạng và giải pháp phát triển năng lực đội ngũ giáo viên phổ thông bậc trung học trước yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế: Phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*, Nxb. ĐHSPT, Hà Nội, Tr. 427–434.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2013), *Nghị quyết Số 29-NQ/TW về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Những vấn đề chung về phát triển chương trình đào tạo giáo viên*, Tài liệu tập huấn cán bộ, giảng viên các cơ sở đào tạo giáo viên phổ thông về phát triển chương trình đào tạo.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT về hướng dẫn công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chỉ thị số: 1737/CT-BGDĐT về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số: 20/2018/TT-BGDĐT về Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Hướng dẫn dạy học theo chương trình giáo dục phổ thông mới: Những vấn đề chung*, Tài liệu bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục.
8. Lã Thị Bưởi, Lã Linh Nga, Đặng Thanh Hoa và cộng sự (2007), Bước đầu nhận xét các hoạt động chăm sóc sức khỏe tinh thần trẻ em dựa vào cộng đồng tại phòng khám TuNa, *Kỷ yếu Hội thảo “Can thiệp và phòng ngừa các vấn đề sức khỏe tinh thần trẻ em Việt Nam”*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Kennedy, A. (2005), Models of Continuing Professional Development: a framework for analysis, *Journal of In-service Education*, 31(2), pp. 235–250.
10. Thủ tướng chính phủ (2015), *Quyết định số: 404/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.

## REAL SITUATION FOR FOSTERING JUNIOR-HIGH-SCHOOL TEACHERS IN VUNG TAU CITY, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE

Dinh Thi Hong Van\*<sup>1</sup>, Đoàn Thị Thu Hoài<sup>2</sup>

<sup>1</sup>University of Education, Hue University, 32 Le Loi St., Hue, Vietnam

<sup>2</sup>Nguyen Anh Ninh Junior High-school, 01 Nguyen Van Cu St., Vung Tau, Vietnam

**Abstract.** This paper evaluates the fostering of junior-high-school teachers in Vung Tau, Ba Ria – Vung Tau province. 206 administration officers and teachers at 6 secondary schools participated in the study. The results show that the majority of officers and teachers are aware of the importance of fostering activities. These activities were assigned great importance in terms of contents and forms. However, some administration officers and teachers do not fully understand the role of these activities. Several important contents and forms were not paid much attention in the fostering program. On the basis of the results, the authors proposed some suggestions to effectively improve the quality of the program.

**Keywords:** fostering, junior-high-school teacher, Vung Tau